

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH NÚA**

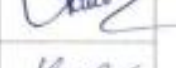
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN – 2021

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH NÚA**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Thị Tuyết Hường	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Mai Thị Phương	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Vũ Thị Thủy	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Chu Thị Thu Phương	Tổ trưởng tổ Mẫu giáo Lớn-Nhỡ-Ghép	Trưởng ban thư kí	
5	Phạm Thị Huệ	Tổ phó tổ mẫu giáo Lớn-Nhỡ-Ghép	Thư kí nhóm 1	
6	Lù Thị Thanh Thùy	Chủ tịch công đoàn	Thư kí nhóm 2	
7	Nguyễn Thanh Thương	Tổ trưởng tổ Nhà trẻ - Mẫu giáo bé	Thư kí nhóm 3	
8	Phạm Thị Hồng Huệ	Tổ phó tổ Nhà trẻ-Mẫu giáo bé	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Thị Thủy	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Duyên	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
11	Trần Kiều Vân	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	19
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	21
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	23
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	26
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học	29
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	31
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	32
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	34
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	37
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	38

Tiêu chí 3.2: Khối phòng, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	41
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	43
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	44
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	46
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	48
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	50
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	51
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức cá nhân của nhà	52
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	55
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	55
Mở đầu	55
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	55
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	56
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	59
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	61
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	63
III. KẾT LUẬN CHUNG	64
IV. PHỤ LỤC: DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
1	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
2	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
3	CBQL, GV	Cán bộ quản lý, giáo viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CNNGV	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên
6	CSGD	Chăm sóc giáo dục
7	GDMN	Giáo dục mầm non
8	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
9	UBND	Ủy ban nhân dân
10	QCDC	Quy chế dân chủ
11	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
12	BGH	Ban giám hiệu

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá: (Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng đạt hoặc không đạt

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2	x			
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

1.2. Kết quả: Mức 1 đạt 24/25 tiêu chí

Mức 2 đạt 24/25 tiêu chí

Mức 3 đạt 18/19 tiêu chí

2. Kết luận: Trường đạt mức 3.

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non xã Thanh Nưa

Tên trước đây: Trường Mầm non Thanh Nưa

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Lê Thị Tuyết Hường
Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố	Điện Biên	Điện thoại	0948319927
Xã/Phường/Thị trấn	Xã Thanh Nưa	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	Mức độ 2	Website	https://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-mnthanhnua
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1996	Số điểm trường lẻ	02
Công lập	x	Loại hình khác	Xã biên giới
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Nhóm trẻ 13-24 tháng tuổi	1	1	0	0	0
Nhóm trẻ 24-36 tháng tuổi	2	2	3	4	4
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	2	1	2	2	2
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	3	2	2	2
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	3	3	3	3	3
Cộng	10	10	10	11	11

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10	10	11	11	11
1	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8
2	Phòng bán kiên cố	2	2	3	3	3
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng phục vụ học tập	2	2	2	3	3
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	2	2
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Khối phòng hành chính quản trị	9	9	9	9	9
1	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4
2	Phòng bán kiên cố	5	5	5	5	5
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
IV	Khối phòng tổ chức ăn	3	3	3	3	3
V	Các công trình khối các phòng chức năng khác	0	0	0	0	0
Cộng		24	24	24	26	26

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Ghi chú
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	22	22	6	0	0	22	
Nhân viên	4	2	3	2	2	0	
Cộng	29	27	9	2	2	25	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	22	22	22	22	22
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	13,9	13,4	14,3	9,5	12,5
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	14,5	14,8	16,7	15	14,3
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	4	3	3	3	11
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	1	2	3	3	3

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
1	Tổng số trẻ em	306	305	321	286	301
	- Nữ	144	150	151	154	135
	- Dân tộc thiểu số	257	247	268	251	242
2	Đối tượng	74	86	88	78	19

	chính sách					
3	Khuyết tật	0	0	1	0	0
4	Tuyển mới	79	48	88	56	46
5	Học ² buổi/ngày	306	295	321	286	301
6	Bán trú	306	295	321	286	301
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	33,1	31,8	29,3	30	27,3
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	24,6	24	28,6	19	25
	Trẻ em từ 13-24 tháng tuổi	24	12	26	9	19
	Trẻ em từ 24-36 tháng tuổi	50	63	60	67	81
	Trẻ em từ 3-4 tuổi	87	77	73	64	66
	Trẻ em từ 4-5 tuổi	65	90	72	74	57
	Trẻ em từ 5-6 tuổi	80	63	90	72	78
9	Các số liệu khác	0	0	0	0	0

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non xã Thanh Nưa được thành lập theo Quyết định số 606/QĐ-UB-TC của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên và chính thức đi vào hoạt động ngày 25/9/1996. Hiện nay, trường có tổng số 301 trẻ với 11 nhóm lớp, trong đó: 4 nhóm trẻ 100 học sinh, mẫu giáo 3-4 tuổi có 2 lớp với 57 học sinh, mẫu giáo 4-5 tuổi có 2 lớp với 45 học sinh, mẫu giáo 5-6 tuổi có 2 lớp với 67 học sinh, 01 lớp mẫu giáo ghép 3-5 tuổi với 32 học sinh. Trường có tổng diện tích 4.285,8 m² (điểm trường trung tâm 2845,5 m², điểm trường Hạ Thanh 962,1m², điểm trường Nà Lôm 478,2m²). Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, môi trường học tập an toàn, sạch, đẹp; có đủ các phòng chức năng theo quy định và đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của tập thể CBQL, GV, NV trong nhà trường. Trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc: Từ năm 2018 đến 2023, nhiều năm trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc; được UBND huyện tặng giấy khen, UBND tỉnh tặng Bằng khen. Tổ chức Công đoàn nhiều năm đạt công đoàn vững mạnh. Chi bộ Đảng nhiều năm đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2005 nhà trường vinh dự được công nhận là trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I; năm học 2020-2021 trường được công nhận là trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ II và trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ theo điều lệ trường mầm non. Có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn, trong đó trình độ trên chuẩn 22/22 giáo viên đạt 100%, giáo viên dạy giỏi các cấp 18/22 đạt 81,8%. Qua các đợt kiểm tra của Phòng GD&ĐT, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt khá trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ II, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực để xây dựng, tôn tạo cảnh quan môi trường; duy trì nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục của nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó có kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục điểm yếu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện các đoàn thể, giáo viên. Thư ký hội đồng là những giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, được giành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 19/2018/TT-Bộ GD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ kết quả tự đánh giá nhà trường đạt Mức 3.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương. Kien toàn đầy đủ cơ cấu tổ chức, đoàn thể theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục. Giáo viên các nhóm, lớp căn cứ vào kế hoạch của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn thực hiện chương trình của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, đúng theo năng lực sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo các quyền lợi khác theo quy định. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đảm bảo tốt an ninh trật tự, VSATTP, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ...

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển

có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như: đội ngũ CBQL, GV, NV và học sinh. Căn cứ vào phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, nhà trường đã xây dựng cụ thể và triển khai thực hiện theo kế hoạch phát triển nhà trường theo từng năm học [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch phát triển nhà trường hằng năm được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Nhà trường làm tốt công tác công khai Phương hướng xây dựng chiến lược và phát triển của nhà trường theo giai đoạn; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo từng năm học tới toàn thể CBQL, GV, NV trong hội nghị cán bộ viên chức đầu năm, được niêm yết tại bảng tin và đăng tải trên website của nhà trường [1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

Kế hoạch thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và kế hoạch phát triển nhà trường được Hội đồng trường thường xuyên giám sát nhằm đảm bảo mục tiêu, phương hướng, các giải pháp, nguồn lực đạt được theo kế hoạch đề ra như: giám sát về công tác tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản; giám sát việc thực hiện nghị quyết; việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường,... [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và định kỳ rà soát, bổ sung theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường theo kế hoạch họp định kỳ của hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia đóng góp thông qua hội nghị cán bộ, viên chức; cha mẹ trẻ em và cộng đồng tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến qua các cuộc họp phụ huynh [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Phòng GD&ĐT phê duyệt.

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường, cha mẹ học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường bằng hình thức công khai tại nhà trường và công khai trên Website. Chỉ đạo thực hiện tốt việc giám sát chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, có sự bổ sung điều chỉnh phù hợp với điều kiện của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, nhà trường triển khai xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường trên cơ sở văn bản chỉ đạo về nhiệm vụ năm học của các cấp và tình hình thực tế của nhà trường. Thực hiện việc công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường, phương tiện thông tin đại chúng của địa phương ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hội đồng trường xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm túc các hoạt động giám sát định kỳ, thường xuyên nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường gồm 9 thành viên được UBND huyện ra quyết định công nhận. Các hội đồng khác được thành lập như theo năm học như: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chăm sóc kiến; Hội đồng tự đánh giá [H1-1.1-05]; [H1-1.2- 01]; [H1-1.2- 02]; [H1-1.2- 03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và theo từng năm học; quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính,

tài sản của nhà trường; giới thiệu nhân sự đề quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hội đồng Thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trẻ em trong nhà trường. Hội đồng chăm sóc kiến giúp Hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của giáo viên [H1-1.1-05]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ rà soát, đánh giá hoạt động theo kế hoạch. Hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 2 lần trong năm để kịp thời điều chỉnh và bổ sung kế hoạch, phương hướng hoạt động. Các hội đồng khác đều được đánh giá qua kế hoạch kiểm tra nội bộ và các biên bản làm việc trong từng thời điểm cụ thể [H1-1.1-05]; [H1-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và phương hướng phát triển của nhà trường; xây dựng chương trình nhà trường phù hợp với mục tiêu chung của chương trình quốc gia, điều kiện thực tế vừa thể hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, mong đợi riêng của nhà trường. thường xuyên tham mưu với chính quyền, các đoàn thể địa phương, tích cực tuyên truyền tới các bậc phụ huynh nâng cao công tác chăm sóc giáo dục. Đảm bảo công tác xã hội hoá, huy động nguồn lực, vật lực xây dựng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia và tiếp tục duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập theo quy định và hoạt động theo Điều lệ trường mầm non, kịp thời quyết định các mục tiêu, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường, điều chỉnh, giám sát thực hiện các phương hướng chiến lược từ đó góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 – 2023 và các năm tiếp theo, nếu có sự thay đổi về nhân sự, Hiệu trưởng lập văn bản đề nghị UBND huyện công nhận bổ sung Hội đồng trường theo quy định. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, hằng năm hiệu trưởng thành lập các hội đồng khác đúng quy trình, đủ thành phần; xây dựng kế hoạch

hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển nhà trường trong từng học kỳ của năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 29 đoàn viên, Ban chấp hành Công đoàn gồm 3 thành viên (có Chủ tịch, Phó chủ tịch và các ủy viên); hiện tại nhà trường không có Chi đoàn Thanh niên do số lượng đoàn viên thanh niên không đủ để duy trì chi đoàn nên Đoàn xã đã ra Quyết định giải thể chi đoàn trường vào tháng 3 năm 2020 [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Hằng năm tổ chức Công đoàn thực hiện theo Điều lệ công đoàn Việt Nam. Có kế hoạch hoạt động phù hợp với cơ cấu trong nhà trường, xây dựng kế hoạch phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc thực hiện nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Thực hiện tốt các hoạt động phong trào, chăm lo đời sống CBQL, GV, NV và công tác quyên góp ủng hộ từ thiện cũng được hưởng ứng đảm bảo theo quy định của nhà trường và của cấp trên [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Trong những năm qua Công đoàn nhà trường thường xuyên được Liên đoàn lao động huyện Điện Biên rà soát, kiểm tra, đánh giá và dưới sự chỉ đạo, kiểm trực tiếp của Chi bộ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-04]; [H1-1.3-06].

Mức 2:

Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 21 đảng viên; Bí thư chi bộ là đồng chí Lê Thị Tuyết Hương – Hiệu trưởng, Phó bí thư chi bộ là đồng chí Vũ Thị Thúy – Phó hiệu trưởng nhà trường đã được Đảng ủy xã Thanh Nưa ra Quyết định chuẩn y công nhận Bí thư, Phó Bí thư nhiệm kỳ 2020 - 2022. Chi bộ trường mầm non Thanh Nưa hoạt động theo Quy định của Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm gần đây có 02 năm đạt chi bộ được Đảng ủy xã Thanh Nưa đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-07].

Các tổ chức, đoàn thể có sự phối kết hợp và đóng góp tích cực trong việc thực hiện các hoạt động của nhà trường mang lại hiệu quả cao như: Tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống cho CBQL, GV, NV; tổ chức các hoạt động lễ hội, các hội thi; phát động và tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động từ thiện, nhân đạo...[H1-1.3-04]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thường xuyên phát động phong trào ủng hộ, từ thiện do các cấp phát động: Quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, quỹ trẻ thơ, tham gia hiến máu nhân đạo mỗi năm có từ 02 đến 04 đồng chí đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-04]; [H1-1.3-09].

Mức 3:

Hàng năm tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật và thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản và trong những năm qua luôn được Đảng ủy xã Thanh Nưa đánh giá đạt chi bộ hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Các tổ chức, đoàn thể của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng mang lại hiệu quả cao trong quá trình hoạt động: như các ngày lễ, hội, giao lưu của cô và trẻ [H1-1.3-03]; [H1-1.3-08].

2. Điểm mạnh

Trường có các tổ chức, đoàn thể như: Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn. Các tổ chức, đoàn thể làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động theo Điều lệ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của nhà trường. Trong 5 năm, 01 năm chi bộ được đánh giá

xếp loại Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy tinh thần tập trung, dân chủ của các tổ chức, cá nhân trong đơn vị trong công tác quản lý và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định; thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể với nhà trường để kịp thời điều chỉnh kế hoạch nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng, đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ mẫu giáo bé + nhà trẻ có 13 đồng chí, tổ MG lớn - nhỡ- Ghép có 11 đồng chí, tổ văn phòng có 07 đồng chí. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó; tổ văn phòng có

01 tổ trưởng và các thành viên là nhân viên, người lao động làm công tác y tế trường học, kế toán, bảo vệ, phụ vụ kiêm văn thư, nấu ăn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Hàng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ như: bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại CBQL, GV, NV trong tổ theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hàng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn với nhà trường. Trong 5 năm các tổ chuyên môn đã đề xuất xây dựng được 10 chuyên đề, các tiết chuyên đề được xây dựng từ những vướng mắc khó khăn thực tế của giáo viên và các nội dung mới được triển khai trong năm học. Qua việc tổ chức các chuyên đề đã giúp cho giáo viên giải quyết những bài toán khó về công tác chuyên môn, giảng dạy, từ đó thúc đẩy chất lượng chuyên môn của đội ngũ ngày một đi lên. Các chuyên đề tổ đã đề xuất trong các năm học như: Phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số; giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội; xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm;... Các chuyên đề được tổ chức thiết thực góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-04].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, được định kỳ rà soát kiểm tra theo từng tháng từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.4-04].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tham mưu hiệu quả tổ chức các hoạt động chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng phù hợp cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, chương trình giao lưu theo các chủ đề, sự kiện, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định. Hoạt

động của tổ đã góp phần nâng cao chất lượng các hoạt giáo dục của nhà trường [H1-1.4-04].

Hàng năm, việc tổ chức các chuyên đề chuyên môn của các tổ chuyên môn đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như: nâng cao việc giáo kỹ năng sống; nâng cao chất lượng giáo dục tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non; nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội; phát triển vận động...[H1-1.4 -04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định. 100% cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn và có năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường. Có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được tổ chức theo quy định của Điều lệ trường mầm non và đề xuất, thực hiện tốt các chuyên đề. Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường góp phần thúc đẩy hoạt động chuyên môn của các tổ; của CBQL, GV, NV trong trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó đảm bảo cơ cấu theo quy định. BGH tăng cường quản lý, chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường. Chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục đề xuất các chuyên đề chuyên sâu nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho giáo viên trong về chuyên môn, đặc biệt là việc thực hiện phát triển chương trình GDMN, tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với bối cảnh địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong các năm học vừa qua, nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi lớp và nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2021-2022, trường có 11 nhóm, lớp với 301 trẻ. Trong đó, 4 nhóm trẻ 100 học sinh, mẫu giáo 3- 4 tuổi có 2 lớp với 66 học sinh, mẫu giáo 4 - 5 tuổi có 2 lớp với 65 học sinh, mẫu giáo 5 -6 tuổi có 2 lớp với 78 học sinh, 01 lớp mẫu giáo ghép với 32 học sinh (Trung tâm có 2 nhóm trẻ, 5 lớp mẫu giáo; điểm trường Hạ Thanh có 01 nhóm trẻ, 01 lớp mẫu giáo; điểm trường Nà Lôm có 01 nhóm trẻ, 01 lớp mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi) [H1-1.5-01].

11/11 nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN [H1-1.5-01].

Trong những năm học vừa qua nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều không vượt quá số lượng trẻ theo quy định và được phân chia theo độ tuổi: Năm học 2021-2022 nhà trường có 4 nhóm trẻ 24 - 36 tháng với 100 học sinh, bình quân 25 trẻ/nhóm, 02 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi với 57 học sinh, bình quân 28.5 trẻ/lớp; 02 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi với 46 học sinh, bình quân 23 trẻ/lớp; 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 67 học sinh, bình quân trẻ 33.5/lớp; 01 lớp mẫu giáo ghép với 32 trẻ/lớp [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Cụ thể: năm học 2017-2018 có 10 nhóm/lớp; năm học 2018-2019 có 10 nhóm/lớp; năm học 2019-2020 có 10 nhóm/lớp; năm học 2020-2021 và 2021-2022 có 11 nhóm/ lớp [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định. Đa số các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi và không năm nào vượt

quá số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% các nhóm, lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn 01 lớp mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi tại điểm trường Nà Lôm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, nhà trường huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 3-36 tháng tuổi; duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp, đảm bảo số lượng trẻ/nhóm lớp theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non. Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trên địa bàn để huy động trẻ ra lớp và tăng tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. BGH tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo ở rộng diện tích đất, **xây thêm phòng học ở trung tâm để chuyển học sinh mẫu giáo ở điểm trường Nà Lôm ra trung tâm học theo lớp đơn, dự kiến thời gian hoàn thành trong năm 2025.**

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý chuyên môn; hồ sơ quản lý trẻ em; sổ đăng ký công văn đi, công văn đến; hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài chính; hồ sơ quản lý nhân sự; hồ sơ

quản lý bán trú [H1-1.4-04]; [H1-1.5-01]; [H1-1.6-01]; [1.6-02]; [H1-1.6-03]; [1.6-04].

Hàng năm nhà trường đều lập dự toán, thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và các quy định hiện hành [1.6-02]; [1.6-05].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Có đầy đủ hồ sơ, chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-06].

Mức 2:

Trong các năm học qua nhà trường ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Hệ thống máy tính làm việc được kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý tài chính, tài sản; phần mềm phổ cập giáo dục – xóa mù chữ và cơ sở dữ liệu quốc gia trong quản lý hành chính của nhà trường; các thông tin, dữ liệu được cập nhật đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định [1.6-02].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản; không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán các cấp [1.6-06].

Mức 3

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để huy động các nguồn tài chính hợp pháp như các nguồn tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, các cá nhân, các nhóm từ thiện và từ nguồn ngân sách nhà nước được cấp để nhà trường hoạt động phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật [H1-1.1-01]; [1.6-07]; [H1-1.6-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách, được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật Lưu trữ. Hàng năm đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Kết quả kiểm tra của các cấp, nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản đem lại hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ của trường. Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn lực tài chính hợp pháp nhằm xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm nhà trường tiếp tục bổ sung, lưu trữ hệ thống các văn bản chỉ đạo về quản lý tài chính, tài sản để tạo điều kiện cho bộ phận kế toán nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về công tác tài chính kế toán; thực hiện nghiêm túc việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ đảm bảo đúng quy định, khoa học.

Kế toán nhà trường tham mưu cho Hiệu trưởng rà soát nhu cầu đầu tư, mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất của đơn vị để lập dự toán sát với thực tế, đúng nguyên tắc và thực hiện bổ sung nâng cấp kịp thời. Kế toán nhà trường tích cực học hỏi trau dồi về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo cho việc thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước.

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch để huy động các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với thực tế của nhà trường và điều kiện địa phương giai đoạn 2020 – 2025, và kế hoạch trung hạn từ 2-3 năm, kế hoạch ngắn hạn theo từng năm; chỉ đạo xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo năm tài chính và nguồn đóng góp thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh theo từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và nhân viên; cán bộ quản lý, giáo viên đều có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, kế hoạch tự học tự bồi dưỡng chuyên môn của cá nhân theo từng năm học [H1-1.7-01].

Hàng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với vị trí việc làm và năng lực sở trường công tác, đảm bảo phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02].

29/29 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ trường mầm non như: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn; được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác theo quy định, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định; được bảo vệ nhân phẩm danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.3-09].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp cụ thể phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo; Tăng cường công tác tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục xây dựng môi trường tăng cường Tiếng Việt như các vật liệu cho trẻ trải nghiệm, tham gia hướng dẫn trẻ sử dụng các nghề truyền thống địa phương,... Tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo quy định. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục [H1-1.2-06]; [H1-1.4-04]; [1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên được nhà trường quan tâm chỉ đạo thực hiện đảm bảo kế hoạch và đạt hiệu quả. Phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý, phát huy được khả năng, sở trường của từng cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ngay từ đầu mỗi năm học, BGH chỉ đạo tổ, khối chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch tự học tự bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBQL, GV, NV phù hợp với vị trí việc làm, năng lực, sở trường của từng người. Chính quyền phối kết hợp với Công đoàn chăm lo đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo CBQL, GV cốt cán xây dựng kế hoạch giáo dục năm học; chỉ đạo giáo viên xây kế hoạch giáo dục trẻ theo năm học, tháng/chủ đề, tuần và ngày theo quy định của chương trình GDMN. Các loại kế hoạch được xây dựng phù hợp với quy định tại Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT, Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT; phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp và địa phương [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm, lớp thực hiện đầy đủ, nghiêm túc kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục theo năm, tháng/chủ đề, tuần, ngày đảm bảo có hiệu quả theo quy định của chương trình GDMN [H1-1.8-02].

Đầu năm học, nhà trường tổ chức đánh giá thẩm định chương trình, trong năm học đánh giá quá trình thực hiện và cuối năm học tổ chức đánh giá hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục Nhà trường. Nhà trường chỉ đạo tổ khối chuyên môn thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc lập và thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời điều chỉnh nếu chưa phù hợp [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

Mức 2:

Hằng năm, các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả thông qua việc đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong đó có tiêu chí về "Quản trị chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhà trường" [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường bám sát chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành và phù hợp với thực tế địa phương và nhà trường. Giáo viên triển khai thực hiện thống nhất giữa kế hoạch của nhà trường với kế hoạch giáo

dục của các nhóm, lớp và phù hợp với điều kiện của từng nhóm, lớp. Việc kiểm tra, rà soát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục được thực hiện thường xuyên nhằm điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

BGH tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, GV cốt cán về xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường, bồi dưỡng giáo viên về lập kế hoạch giáo dục theo năm, tháng/chủ đề, tuần, ngày và triển khai thực hiện kế hoạch; xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá định kỳ và thực hiện kiểm tra đột xuất việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm, lớp. Kịp thời tư vấn, thúc đẩy nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch giáo dục của đội ngũ giáo viên trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm như: các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng phát triển nhà trường; quy chế dân chủ; quy chế quản lý và sử dụng tài sản; quy tắc ứng xử văn hóa trường học; quy chế chuyên môn; quy chế chi tiêu nội bộ;...các quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.9-01].

Trong 5 năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh; những kiến nghị, phản ánh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục

và các hoạt động khác của nhà trường được nhà trường tiếp nhận và xử lý, giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật [H1-1.3-08]; [H1-1.9-02].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-02].

Mức 2:

Hội đồng trường, Ban Thanh tra nhân dân thực hiện giám sát theo quy định đối với công tác thực hiện quy chế dân chủ: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; kết quả xã hội hóa giáo dục một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, qua báo cáo tổng kết năm học của nhà trường và qua các buổi họp hội đồng sư phạm [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Hàng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế của nhà trường. Trong trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo xảy ra. Nhà trường có những biện pháp, cơ chế giám sát của các tổ chức, đoàn thể trong trường góp phần đảm bảo việc thực hiện các hoạt động công khai, minh bạch và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ trong nhà trường. Nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình của mỗi cá nhân trong xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển của nhà trường. Phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường và nhân dân trên địa bàn trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống chất, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận,

xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án vệ sinh ATTP; Phương án phòng chống tai nạn thương tích; Phương án phòng chống cháy nổ; Phương án phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng chống dịch bệnh; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, phòng chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường, Tự cam kết đảm bảo vệ sinh ATTP đối với bếp ăn tập thể [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở khu vực cổng trường, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh trong trường; triển khai có hiệu quả Phương án đảm bảo an toàn về an ninh trật tự nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho CBQL, GV, NV và trẻ em trong nhà trường [1.10-09]; [H1-1.2-06].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-06].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường; phối hợp với Công an xã, công an huyện trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường; đăng ký cho CBQL, GV, NV tham gia tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.2-06].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng bạo lực học đường, mất an ninh trật tự xảy ra trong nhà trường [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống chất, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường theo quy định. Các phương án đó được phổ biến, hướng dẫn toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, thực hiện có hiệu quả. Có hòm thư góp ý để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến; có số điện thoại đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trẻ bị kỳ thị, bạo lực và bị những hành vi vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, BGH chỉ đạo các bộ phận xây dựng và phổ biến rộng rãi các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường nhằm đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ em. Tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở địa phương như: Trạm y tế xã Thanh Nưa, Công an xã, Hội phụ nữ xã, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc thực hiện các phương án.

Năm 2022, nhà trường tiếp tục tự ký cam kết thực hiện các quy định về vệ sinh ATTP đối với bếp ăn tập thể.

Nhà trường duy trì việc công khai, thông báo rộng rãi số điện thoại đường dây nóng của nhà trường tới phụ huynh và nhân dân trên địa bàn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Nhà trường đã có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ theo từng năm học; có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy

định tại Điều lệ trường mầm non. Trường có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định và Điều lệ của từng tổ chức. Có đủ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Trường có 04 nhóm trẻ, 07 lớp mẫu giáo đảm bảo số lượng theo quy định, được phân chia theo đúng độ tuổi và học 2 buổi/ngày. Hệ thống hồ sơ đầy đủ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ, hằng năm quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phân công, sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo các quyền, chế độ cho đội ngũ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo mục tiêu giáo dục; định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Thực hiện tốt quy chế dân chủ và đầy đủ các phương án nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong trường học.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, đáp ứng yêu cầu và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đảm bảo các điều kiện về năng lực công tác, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý giáo dục, có năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức tốt được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn đạt ở mức cao, thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm cán bộ quản lý được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng; giáo viên được đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Đội ngũ CBQL, GV, NV được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm chuyên ngành giáo dục mầm non; có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non: Hiệu trưởng 31 năm, Phó hiệu trưởng Vũ Thị Thúy 21 năm, Phó hiệu trưởng Mai Thị Phương 18 năm. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Hàng năm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại đạt từ khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-05].

Hàng năm cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng chuyên đề các cấp [H2-2.1-06].

Mức 2:

Từ năm học 2017-2018 đến nay, hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá theo Chuẩn hiệu trưởng 2 năm xếp loại xuất sắc, 3 năm xếp loại tốt; 2 phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá theo Chuẩn hiệu trưởng có ít nhất 1 năm xếp loại xuất sắc, các năm còn lại xếp loại khá [H2-2.1-05].

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng đã có bằng trung cấp lý luận chính trị, hàng năm đều được tham gia bồi dưỡng chính trị do Phòng GD&ĐT tổ chức. Trong quá trình công tác, Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.1-04]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-05].

Mức 3:

Từ năm học 2017-2018 đến nay, hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá theo Chuẩn hiệu trưởng 2 năm xếp loại xuất sắc, 1 năm xếp loại tốt; 2 phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá theo Chuẩn phó hiệu trưởng có ít

nhất 01 năm xếp loại xuất sắc, các năm còn lại xếp loại khá [H2-2.1-05].

2. Điểm mạnh

3/3 cán bộ quản lý đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý giáo dục; có bằng trung cấp lý luận chính trị và nhiều năm liên tục công tác trong ngành giáo dục mầm non. Hằng năm CBQL đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ và chính trị. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng đạt từ mức khá trở lên, trong đó hiệu trưởng liên tục đạt tốt và xuất sắc. CBQL có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2022-2023 và các năm tiếp theo hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia học tập, bồi dưỡng kết hợp với tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, năng lực quản lý trường học đáp ứng chuẩn hiệu trưởng, yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non, hội nhập với khu vực và thế giới. Không ngừng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống để làm tấm gương sáng cho giáo viên, nhân viên trong trường noi theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Năm học 2021-2022 nhà trường có tổng số 22 giáo viên/11 nhóm, lớp đảm bảo đủ về số lượng, bố trí hợp lý về cơ cấu đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-03]; [H1-1.7-02].

100% giáo viên trong trường có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm chuyên ngành giáo dục mầm non [H2-2.1-01].

Hầu hết các năm 100% giáo viên trong trường được đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức đạt trở lên. Năm 2021-2022 có 86% xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức đạt trở lên, chưa đạt: 03/22 [H2-2.2-01].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn [H2-2.1-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức đạt trở lên, trong đó: Năm học 2017-2018: xuất sắc 14/22 giáo viên; khá: 7/22 giáo viên; trung bình: 1/22 giáo viên. Năm học 2018-2019: xếp loại tốt 6/20 giáo viên; khá 13/20 giáo viên. Năm 2019 – 2020: xếp loại tốt 7/22 giáo viên; khá 15/22 giáo viên. Năm 2020 – 2021: xếp loại tốt 7/22 giáo viên; khá 15/22 giáo viên [H2-2.2-01]. Năm 2021 – 2022: xếp loại tốt 11/22 giáo viên; khá 8/22 giáo viên, chưa đạt: 03/22 [H2-2.2-01].

Từ năm học 2017-2018 đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-06].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo [H2-2.1-01].

Hàng năm nhà trường có 86% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, tốt trở lên cụ thể: Năm học 2021 – 2022 nhà trường có 50,0% giáo viên chưa đạt [H2-2.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDMN. 100% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn. Hàng năm 86% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá, tốt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong đó, các năm học có từ 30% trở lên giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Có 3 giáo viên xếp loại Chưa đạt theo Chuẩn Nghề nghiệp giáo viên mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, BGH tham mưu với Phòng GD&ĐT giao đủ chỉ tiêu biên chế theo kế hoạch phát triển GD&ĐT đã được phê duyệt; chỉ đạo nghiêm túc việc đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp nhằm xác định đúng những hạn chế của từng cá nhân để có phương hướng, kế hoạch bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu của chuẩn; chỉ đạo tổ, khối chuyên môn tăng cường bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ thông qua các hoạt động sinh hoạt chuyên môn tổ, sinh hoạt chuyên môn trường nhằm duy trì và nâng cao tỷ lệ giáo viên xếp loại tốt theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 07 nhân viên (kể cả biên chế, hợp đồng theo nghị định 161/2018 và hợp đồng ngắn hạn). Trong đó: 01 nhân viên phục vụ kiêm văn thư, nấu ăn; 01 nhân viên bảo vệ kiêm nấu ăn, 01 nhân viên y tế kiêm thủ quỹ, nấu ăn, 01 nhân viên kế toán, 03 nhân viên nấu ăn. Số lượng nhân viên đáp ứng được nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.6-03]; [H2-2.3-01].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng người [H1-1.7-02].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường và hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 07 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính Phủ và hợp đồng ngắn hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục Mầm non công lập. Hiện tại trường đang bố trí nhân viên bảo vệ, phục vụ, y tế kiêm nhiệm, hỗ trợ công tác nấu ăn cho trẻ [H1-1.6-03]; [H1-1.7-02].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-06].

Mức 3:

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán, nhân viên y tế có trình độ trung cấp theo chuyên môn được giao [H2-2.1-01].

Hằng năm 100% nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm cụ thể: Được bồi dưỡng về tư tưởng chính trị, nhân viên y tế, nhân viên nấu ăn phụ trách công tác bán trú được bồi dưỡng kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy; nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng và có chứng chỉ nghề nấu ăn [H2-2.1-06]; [H2-2.3-03]; [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định; thực hiện phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động phù hợp với trình độ đào tạo, năng lực

làm việc thực tế của mỗi cá nhân và điều kiện thực tế của trường. 100% nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo BGH nhà trường tiếp tục tham mưu với Phòng GD&ĐT duy trì số lượng nhân viên hiện có. Tham mưu mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên y tế, kế toán, bảo vệ, nấu ăn.

Hiệu trưởng thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của mỗi nhân viên.

BGH tham mưu với UBND xã, phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động phụ huynh học sinh tăng mức đóng góp để hợp đồng thêm người nấu ăn cho trẻ đảm bảo số lượng theo định mức trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Nhà trường có CBQL, GV, NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định: có bằng đại học sư phạm mầm non, có thời gian công tác liên tục lâu năm trong ngành giáo dục mầm non; tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị; có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tục tính đến thời điểm được đánh giá hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ mức khá trở lên trong đó hiệu trưởng có 5 năm xếp loại tốt và xuất sắc. 100% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn. Hằng năm 86% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; Năm học 2021 -2022 có 3 giáo viên xếp loại chưa đạt theo chuẩn nghề nghiệp GVMN.

Các nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của mỗi cá nhân, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao. 100% giáo viên, nhân viên xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

Tuy nhiên, do nguồn kinh phí huy động đóng góp từ cha mẹ trẻ để thuê nhân viên nấu ăn còn hạn hẹp nên nhà trường còn phải phân công nhân viên kiêm nhiệm công tác nấu ăn cho trẻ.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2 tiêu chí

+ *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 1 tiêu chí*

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ CSGD trẻ. Chính vì lẽ đó trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường xây bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Có đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ. Nhà bếp được xây dựng kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình bếp một chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp: có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp: Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 4.285,8m², trong đó: điểm trường Trung tâm 2845,5m², điểm trường Hạ Thanh 962,1m², điểm trường Nà Lôm 478,2m². Tổng số trẻ toàn trường là 301 trẻ, bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo vượt định mức theo quy định (15m²/trẻ) [H3-3.1-01].

Trung tâm và 02 điểm trường đều có biển tên trường, điểm trường. Trên cổng thể hiện rõ tên trường, điểm trường, địa chỉ đúng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường đều có tường xây bao quanh, khuôn viên môi trường vệ sinh đảm bảo sạch sẽ, thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [1.1-03].

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi, hành lang, mái che cho các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định. Sân chơi được quy hoạch và thiết kế phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ tất cả trẻ được sử dụng; có trồng cây xanh tạo bóng mát cho trẻ hoạt động [1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình là 900m² chiếm 20,1% tổng diện tích; diện tích sân vườn 3385m² đạt 79,9%, đảm bảo theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 201 [H3-3.1-01].

Xung quanh trường đều có tường xây bao quanh ngăn cách với bên ngoài, đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi của các nhóm lớp; có nhiều loại cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, khám phá, học tập [1.1-03].

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài theo quy định tại Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 về ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non. Khu vực trẻ chơi, sân vườn thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có tường, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn ngăn cách với bên ngoài [H3-3.1-02]; [1.1-03]; [1.6-02].

Mức 3:

Trung tâm và điểm trường có khu vực hoạt động riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Có nhiều thiết bị vận động, đồ chơi ngoài trời: Điểm trung tâm có 15 loại (Bập bênh; xích đu; cầu trượt; xe đạp chân; thú nhún lò xo; thang leo, mâm quay; đồ chơi liên hoàn; nhà bóng, bộ leo núi, cột ném bóng rổ, gôn bóng, hầm chui tàu hỏa, bộ vận động thể chất đa năng, bể bóng), điểm trường Nà Lôm có 5 loại đồ chơi (Bập bênh; thú nhún lò xo; xích đu, mâm quay, thú nhún khớp nối), điểm trường Hạ Thanh có 5 loại (Bập

bên; thú nhún lò xo; cầu trượt, mâm quay, xích đu). Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phối hợp với phụ huynh làm thêm đồ chơi tự tạo như: thang leo, bục bật nhảy, cột ném bóng, cổng chui.... cho trẻ trải nghiệm, vui chơi; có đồ chơi tập cài cúc, vặn nút, đồ chơi với nước, cát, trải nghiệm văn hóa dân tộc... các đồ chơi vận động tinh rèn cơ ngón tay cho trẻ đảm bảo an toàn [1.6-02]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân/trẻ đảm bảo theo quy định. Trường có đầy đủ cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ ở trung tâm và 2/2 điểm trường lẻ. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động với các thiết bị và đồ chơi phù hợp với trẻ mầm non.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục sử dụng có hiệu quả diện tích đất ở trung tâm và các điểm trường để thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; thường xuyên sửa chữa, bổ sung đồ dùng đồ chơi cho các khu vui chơi của trẻ; bảo quản, sử dụng có hiệu quả các thiết bị và đồ dùng đồ chơi ngoài trời hiện có. Thường xuyên có kế hoạch bổ sung và chăm sóc cắt tỉa bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, an toàn giúp trẻ có nhiều cơ hội học tập, trải nghiệm và khám phá.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 11 phòng học/phòng sinh hoạt chung tương ứng với 11 nhóm, lớp trong đó: nhóm trẻ 24-36 tháng là 4 phòng; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi là 02 phòng; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi là 02 phòng; lớp mẫu giáo 5-6 tuổi là 02 phòng, lớp Mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi 01 phòng, đảm bảo đủ số phòng học cho từng độ tuổi [1.1-03]; [1.6-02].

Nhà trường có 11 phòng sinh hoạt chung gồm 08 phòng xây dựng kiên cố và 03 phòng xây dựng bán kiên cố (Trung tâm có 07 phòng xây dựng kiên cố, điểm trường Nà Lôm có 01 phòng xây dựng kiên cố, 01 phòng xây dựng bán kiên cố; điểm trường Hạ Thanh có 02 phòng được xây dựng bán kiên cố; 10/11 nhóm/lớp có phòng ngủ riêng, có 01 lớp nhà trẻ B trung tâm chưa có phòng ngủ. Trường chưa có phòng giáo dục thể chất nhưng có khu giáo dục thể chất, có phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [1.1-03]; [H3-3.2-01]; [1.6-02].

11/11 nhóm/lớp có hệ thống đèn điện đủ ánh sáng, hệ thống quạt điện đảm bảo phục vụ cho hoạt động CSGD trẻ. 100% các lớp có tủ đựng đồ cá nhân của trẻ và tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học của nhóm, lớp [1.6-02].

Mức 2:

Trung tâm và 02 điểm trường có 11 phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích 1,5m²/trẻ, 10/11 nhóm lớp có phòng ngủ riêng, có 01 lớp nhà trẻ B trung tâm chưa có phòng ngủ; diện tích phòng ngủ bình quân 1,2m²/trẻ. Các phòng đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Phòng ngủ có đủ chăn, chiếu, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 60m² để tổ chức các hoạt động nghệ thuật với nhiều các thiết bị như đàn, gương, giống múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc, giá vẽ, bút màu, màu nước, giấy màu, giấy vẽ các loại đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có phòng giáo dục thể chất đạt chuẩn theo quy định với diện tích 81m² được trang bị các đồ dùng đồ chơi phong phú, hình thù đẹp, bền, màu sắc hấp dẫn, phù hợp giúp trẻ phát triển thể chất[1.1-03]; [1.6-02].

11/11 nhóm, lớp trong nhà trường có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [1.1-03]; [1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường có 01 phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tin học-ngoại ngữ diện tích 53.95m² có các thiết bị tối thiểu cho học sinh học tập, khám phá, làm quen với công nghệ thông tin- ngoại ngữ như máy tính, tai nghe, bàn, ghế ngồi, loa, máy in; có 01 phòng giáo dục nghệ thuật riêng biệt. Các phòng làm quen với tin học, giáo dục nghệ thuật có lịch hoạt động và giao cho giáo viên chủ nhiệm phụ trách hướng dẫn trẻ hoạt động [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo về diện tích, 10/11 nhóm lớp có phòng ngủ riêng, có đủ chăn, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động giáo dục nghệ thuật, cho trẻ làm quen với tin học và ngoại ngữ, có phòng giáo dục thể chất được trang trí đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi giúp trẻ phát triển thể chất.

3. Điểm yếu

Còn 01 lớp nhà trẻ chưa có phòng ngủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, nhà trường tham mưu với phòng GD&ĐT cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước để tu sửa 01 phòng ngủ còn thiếu cho lớp nhà trẻ, dự kiến kinh phí khoảng 95 triệu đồng.

Hàng năm, nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên bảo quản, khai thác sử dụng có hiệu quả các phòng, lớp học, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Duy trì các hoạt động cho trẻ làm quen với tin học, âm nhạc, làm quen với ngoại ngữ. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học, khối phòng chức năng để tham mưu với cấp trên bổ sung thiết bị cần thiết.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các khối phòng hành chính-quản trị: Hội trường, văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính-quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; có nhà vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên nhưng chưa được phân chia 2 khu vực nam, nữ. Có nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên diện được xây dựng kiên cố và bán kiên cố [1.1-03]; [H3-3.2-01].

Hội trường, văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế hợp, thiết bị cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để tổ chức họp và các hoạt động khác; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc. Phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, cân kiểm tra sức khỏe, bảng biểu; phòng hành chính-quản trị, phòng bảo vệ có đủ đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo yêu cầu [1.6-02].

Trung tâm và các điểm trường đều có khu để xe giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự [1.1-03].

Mức 2:

Hội trường được xây dựng có diện tích 73 m², văn phòng trường được xây dựng có diện tích 40m², phòng y tế xây dựng có diện tích 10m²; Phòng Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, phòng hành chính-quản trị, phòng bảo vệ có diện tích 16m², phòng dành cho nhân viên có diện tích 16m². Các phòng được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, được trang bị đầy đủ các thiết bị làm việc theo yêu cầu của từng loại phòng [1.1-03]; [H3-3.1-02].

Khu để xe giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi. Khu để xe ở trung tâm trường có diện tích 57m², các điểm trường được bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích cho xe của giáo viên đảm bảo theo quy định, theo điều lệ trường mầm non [1.1-03].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng; các phòng đều được xây dựng và thiết kế đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Hội trường; văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng; phòng

hành chính-quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; có khu để xe cho khách và phụ huynh học sinh. Các phòng đều đảm bảo diện tích theo quy định, có đủ đồ dùng, thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Nhà vệ sinh giáo viên chưa được phân chia 2 khu vực nam, nữ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong hè năm học 2022-2023, nhà trường sử dụng nguồn học phí để tu sửa nhà vệ sinh dành cho giáo viên, cán bộ, nhân viên thành 2 khu vực riêng cho nam và nữ, dự kiến kinh phí khoảng 95 triệu đồng.

Trong các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục huy động các nguồn đóng góp XHH giáo dục để nâng cấp, tu sửa các hạng mục công trình và sử dụng có hiệu quả hệ thống phòng hành chính quản trị và thiết bị của khối phòng này nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a, Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng bán kiên cố tại trung tâm trường. Điểm trường không có bếp ăn do không tổ chức nấu ăn tại các điểm trường mà mang cơm từ điểm trung tâm đến các điểm trường lẻ [1.1-03].

Kho chứa thực phẩm có các kệ để phân chia thực phẩm thành khu vực riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm như cách mặt đất 20cm, cách tường 10cm, được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, dễ cất, dễ lấy [1.1-03].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn sau khi chế biến thức ăn cho trẻ hàng ngày, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [1.1-03]; [1.6-02].

Mức 2:

Khu bếp ăn của trường có tổng diện tích 142.4m², bình quân 0,5m²/trẻ. Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Tủ cơm, nồi cơm điện, các loại bát, thìa inox, tủ nhôm kính đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đủ cho sinh hoạt hàng ngày. Bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom hàng ngày đến nơi tập trung theo quy định đảm bảo hợp vệ sinh [1.1-03]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Bếp ăn được xây dựng bán kiên cố, thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn, uống được làm bằng nhôm, inox để làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại; có phương tiện bảo quản thực phẩm, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907:2011 [1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng bán kiên cố, đủ diện tích và hoạt động theo quy trình một chiều, có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực để thực phẩm riêng biệt. Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, có đủ đồ dùng để làm vệ sinh và khử trùng. Trung tâm và các điểm trường lẻ có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh. Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, nhà trường tham mưu với phòng GD&ĐT cấp kinh phí xây dựng thêm bếp ăn kiên cố, dự kiến kinh phí khoảng 200 triệu đồng.

Hàng năm, nhà trường tiếp tục có kế hoạch bảo quản, sử dụng cơ sở vật chất, các đồ dùng, thiết bị nhà bếp một cách hiệu quả; thường xuyên rà soát, tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp hiện đại, đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường đạt hiệu quả. Tiếp tục

ký hợp đồng với công ty nước Thành phố để cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt của trẻ; hợp đồng người thu gom xử lý rác thải hàng ngày.

Tiếp tục thực hiện lưu mẫu thức ăn, công khai thực đơn, công khai thu chi theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 11/11 nhóm, lớp đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ em theo quy định về danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.1- 03].

Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chấm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề giáo dục, hội thi làm đồ dùng đồ chơi... Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [1.1-03]; [H3-3.1- 03].

Các thiết bị của nhà trường hằng năm được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên kiểm tra các thiết bị, đồ dùng để sửa chữa, bổ sung, nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động CSGD trẻ tại các điểm trường, nhóm, lớp [H3-3.1-02]; [3.1-04].

Mức 2:

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy và học [H3-3.5-01]; [3.5-02].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tính đến thời điểm đánh giá, số bộ thiết bị là 11 bộ/11 nhóm, lớp, trong đó khối mẫu giáo 5 tuổi có 03 bộ; khối mẫu giáo 4 tuổi 02 bộ; khối mẫu giáo 2 tuổi 02 bộ; khối nhà trẻ 04 bộ [H3-3.1-03]; [1.6-02].

Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp làm đồ dùng đồ chơi tự tạo theo từng chủ đề phục vụ cho các hoạt động giáo dục, phù hợp và an toàn cho trẻ [H3-3.1-03]; [1.1-03].

Mức 3:

Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tại trung tâm và các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt. Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tự làm ngoài danh mục được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [1.1-03]; [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho 11/11 nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Giáo viên tự làm đồ dùng đồ chơi tự tạo theo từng chủ đề, kết hợp cùng phụ huynh cùng làm thêm đồ dùng, đồ chơi bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ. 100% các máy tính được kết nối Internet phục vụ cho hoạt động quản lý và giáo dục trẻ em.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm nhà trường tiếp tục xây dựng Quy chế sử dụng tài sản công; chỉ đạo giáo viên bảo quản, sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học hiện có; duy trì phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ trong đội ngũ giáo viên và phụ huynh học sinh. Tăng cường học liệu và hướng dẫn trẻ mẫu giáo tự làm đồ chơi thông qua các hoạt động giáo dục. Phân công đồng chí Vũ Thị Thúy Phó hiệu trưởng phụ trách về cơ sở vật chất phụ trách tham mưu với Phòng giáo dục và đào tạo cấp bổ sung, sửa chữa thay thế và cấp kinh phí mua đồ dùng, đồ chơi đảm bảo đủ số lượng phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của 11/11 nhóm, lớp đảm bảo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 06 phòng vệ sinh của trẻ ở trung tâm và 02 nhà vệ sinh ở điểm trường, 01 nhà vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trung tâm. Các phòng vệ sinh của học sinh đều được xây dựng kiên cố, bán kiên cố phân chia thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường. Nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa có khu riêng cho nam và nữ [1.6-02]; [1.1-03].

Hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường có máy lọc nước, nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ ở trung tâm và các điểm trường lẻ [1.1-03].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày và vận chuyển tới nơi xử lý tập trung không để rác thải, nước thải, tồn đọng gây ô nhiễm môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng rác có nắp đậy để đựng và phân loại rác tạm thời thuận tiện cho công việc làm vệ sinh và khử trùng [1.1-03]; [H3-3.1-03].

Mức 2:

Nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên đủ diện tích, thiết kế xây dựng phù hợp, chưa chia khu vệ sinh riêng cho nam và nữ. 11/11 nhóm, lớp có phòng vệ sinh được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung được ngăn cách giữa trẻ trai và trẻ gái, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát; có đủ các thiết bị phù hợp với từng độ tuổi (trẻ nhà trẻ: có vòi nước rửa tay, có nhà bô đủ ghế ngồi bô cho trẻ; trẻ mẫu giáo: Có vòi nước rửa tay đảm bảo 8 trẻ/ vòi, bể chứa nước có nắp đậy an toàn) tổng diện tích 105m² bình quân 0.4m²/trẻ [1.1- 03].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ nguồn nước sạch nông thôn mới, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ y tế như có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập trung, đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]; [1.1-03].

2. Điểm mạnh

100% các nhóm lớp trong nhà trường đều có nhà vệ sinh, đảm bảo đầy đủ thiết bị, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Có khu vệ sinh riêng dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ diện tích. Có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa có khu riêng cho nam và nữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, nhà trường tham mưu với phòng GD&ĐT cấp kinh phí xây dựng thêm nhà vệ sinh dành cho giáo viên, cán bộ, nhân viên để phân chia thành 2 khu vực riêng cho nam và nữ, dự kiến kinh phí khoảng 95 triệu đồng.

Nhà trường tiếp tục thực hiện bảo quản, tu sửa, sử dụng hiệu quả hệ thống phòng và thiết bị vệ sinh. Tham mưu với các cơ quan liên quan ở địa phương trong việc thu gom và xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Hiệu trưởng ký hợp đồng mua bán nước với cơ sở đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt; thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường theo quy định chung.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường có các công trình được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các phòng sinh hoạt chung và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu cho từng khối lớp; đồ dùng, đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày, ký cam kết với Chi cục VSATTP đảm bảo bếp ăn đủ điều kiện VSATTP. Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng khép kín đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động quản lý và CSGD trẻ của nhà trường.

Tuy nhiên, tại thời điểm đánh giá nhà trường chưa có nhà vệ sinh giáo viên dành riêng cho nam và nữ.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 6 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, thì công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội giữ vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy trong những năm qua nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội. Hằng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Trong những năm qua, nhà trường cũng đã chủ động phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong và ngoài xã hội để xây dựng cơ sở vật chất, tạo cảnh quan môi trường sư phạm an toàn thân thiện góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 11 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 02 Phó ban, 8 thành viên thường trực, các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-06]; [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-02].

Hàng năm Ban đại diện cha mẹ trẻ em triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường có hiệu quả cao [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: Huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu, tham gia hỗ trợ tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ: tham quan, trải nghiệm, lao động...Thực hiện tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục mầm non với các bậc phụ huynh như: trẻ thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ ăn, được hỗ trợ cấp bù miễn giảm học phí [H4-4.1-03]; [1.1- 03].

Mức 3:

Trong những năm học qua Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của các nhóm/lớp, của trường. Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định. Ban đại diện cha mẹ trẻ em có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường, trong công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, nhà trường tiếp tục kiện toàn và duy trì Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, của mỗi lớp vào mỗi năm học và duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà. Chỉ đạo giáo viên tăng cường trao đổi thông tin với phụ huynh để có những biện pháp phối hợp

chăm sóc, giáo dục trẻ theo khoa học. Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ em tăng mức đóng góp tiền ăn bán trú cho trẻ ở trường nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ ở trường đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo khuyến nghị của các độ tuổi trong năm học 2022-2023.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương triển khai các khoản kinh phí huy động từ cha mẹ học sinh nhằm hỗ trợ các hoạt động giáo dục nhà trường, xin kinh phí hỗ trợ bảo vệ điểm trường, xin hỗ trợ công lao động xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường tại điểm trường Hạ Thanh...[H4-4.2-01].

Hằng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung, kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: qua các buổi họp với lãnh đạo xã và trưởng các thôn bản, họp phụ huynh, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.2-06].

Nhà trường tích cực tham mưu tới với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch xã hội hóa giáo dục, huy động và sử dụng nguồn lực ngày công của phụ huynh và các cơ quan đoàn thể trên địa bàn giúp đỡ trong việc cải tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học: Trong năm học 2017-2018 huy động được 253 ngày công; Năm học 2018-2019 huy động được 324 ngày công; năm học 2019-2020 huy động được 656 ngày công. Năm học 2020 – 2021 tính đến thời điểm hiện tại: 500 ngày công. Trong năm học 2019-2020 và đầu năm học 2020-2021, nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa trong việc huy động ngày công lao động, đã làm tốt công tác tuyên truyền, huy động các cá nhân hỗ trợ sách cho trẻ: Ông Nguyễn Văn Tuấn-Hà Nội hỗ trợ ủng hộ sách cho trẻ em trong trường là: 181 quyển trị giá: 5.669.000đ. Công ty cô phân và đầu tư quốc tế Đông Phương – Hà Nội đã hỗ trợ xây mới 02 phòng học điểm trường Hạ Thanh với số tiền là: 260.000.000đ. Xây mới 2 phòng chức năng cho trẻ hoạt động và trải nghiệm: phòng cho trẻ làm quen với tin học - ngoại ngữ; phòng thư viện tại trung tâm trị giá 370.000.000đ bằng nguồn tài trợ của Anh hùng lao động Nguyễn Hiệp-Nguyên chủ tịch hội đồng quản trị tập đoàn phát triển nhà và đô thị HUD – Hà Nội cùng gia đình. Bê tông Vạn Lộc giúp nhà trường đổ 150m² bê tông trị giá 4.500.000đ. Nhà trường đã huy động nhiều ngày công lao động của bộ đội, công an và cha mẹ học sinh để cây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường học tập cho trẻ tại trung tâm và điểm trường. Kết quả huy động các nguồn tài trợ của các tập thể, cá nhân, phụ huynh bằng vật chất và nhiều ngày công lao động cho phát triển giáo dục mầm non của nhà trường trong năm học 2019 – 2020 với tổng trị giá: 768.363.000đ, năm học 2020-2021 đơn vị được tài trợ một phần kinh phí xây dựng và tu sửa khu trải nghiệm văn hóa dân tộc địa phương và khu vực để đồ dùng của lớp nhà trẻ với tổng trị giá trên 30.000.000 đồng; Tủ sách cầu vồng hỗ trợ 499 quyển sách truyện trị giá 17.465.000đ [H1-1.2-06]. Năm học 2021-2022 huy động được 116.343.000đ, trong đó: hỗ trợ của các tổ chức cá nhân: trị giá: 30.240.000đ; cha mẹ trẻ tài trợ cho giáo dục: 86.103.000đ.

Mức 2:

Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học và theo giai đoạn: xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mầm non được đi học 2 buổi/ngày và ăn bán trú ở trường, các nguồn huy động, tài trợ ủng hộ...[H1-1.2-06].

Phối hợp với các đoàn thể ở địa phương: Đoàn thanh niên xã, hội phụ nữ bản Mền... để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả như: ngày tết Trung thu, tết nguyên đán, ngày hội thể thao của bé, tổ chức cho cô và trẻ tham gia viếng nghĩa trang Độc Lập, Tông Khao tại xã Thanh Nưa, tham quan di tích lịch sử Điện Biên phủ trong những ngày lễ của dân tộc [1.1-03]; [H1-1.2-06].

Mức 3:

Nhà trường đã có kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp với các trường trên địa bàn tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Mọi hoạt động của nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và cá nhân trên địa bàn nên đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo năm học, giai đoạn. Phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức tốt hơn nữa các hoạt động lễ hội, sự kiện, phù hợp với truyền thống của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo năm học được thành lập đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ trẻ em thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xã Thanh Nưa để quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn xã nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn xã tham gia đóng góp các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh nhằm đảm bảo các tiêu chí trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia. Đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 2 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ là mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Để chất lượng giáo dục trẻ ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển hài hòa về nhân cách.

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã thực hiện nghiêm túc việc khảo sát, đánh giá trẻ, cân, đo, khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định nhằm phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có kế hoạch phục hồi, phòng, chống kịp thời làm giảm suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, nâng cao chất lượng trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***Mức 1:***

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;*

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, Sở và phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường đã thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Phòng, Sở GD&ĐT và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường như: Xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường đảm bảo phù hợp với Chương trình GDMN và bối cảnh thực tế địa phương [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non như: Tổ chức đánh giá thẩm định chương trình giáo dục nhà trường, đánh giá quá trình thực hiện, kết quả thực hiện. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá, nhà trường chỉ đạo chuyên môn và giáo viên điều chỉnh, bổ sung kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

Hằng năm nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo phù hợp với trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Hằng năm, nhà trường chỉ đạo việc phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ như: Quan tâm đến việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số, dạy kỹ năng sống cho trẻ phù hợp với nét văn hóa dân tộc Thái,... [H5-5.1-01].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [1.1-03].

Hằng năm có tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.2-05]; [H1-1.3-01]; [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch và đảm bảo chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường

và nhu cầu, hứng thú của trẻ. Nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp theo quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, phù hợp với nhu cầu và khả năng nhận thức của trẻ. Định kỳ nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục đánh giá nghiêm túc việc phát triển chương trình giáo dục, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN hằng năm. Chỉ đạo, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của địa phương tham khảo chương trình giáo dục của các đơn vị bạn và tham khảo chương trình giáo dục của một số nước trong khu vực Châu Á để xây dựng chương trình giáo dục nhà trường trong năm học 2022-2023.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chỉ đạo, khuyến khích giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục trong tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện nhà trường, không áp đặt dập khuôn máy móc [H1-1.4-04]; [H1-1.8-02].

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học như: Khu trải nghiệm với nước, với đá, lá cây, đất sét, trồng cây, đan tết, khám phá thí nghiệm... theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, trải nghiệm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.4-04]; [1.1-03].

Các nhóm, lớp tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường như: Các hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, tham quan di tích lịch sử... [H1-1.8-02]; [1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức cho trẻ được tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, mang tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Chăm sóc vườn rau, vườn hoa, góc thiên nhiên, quan sát sự nảy mầm của cây từ hạt, chơi trò chơi... Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan, dã ngoại, các hoạt động trải nghiệm các kỹ năng sống... [1.1-03]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích sự hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tăng cường học liệu mở ở các góc chơi, khu vực chơi ở trong lớp, ngoài trời tạo cơ hội cho trẻ khám phá, sáng tạo [H1-1.4-04]; [1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung giáo dục nhà trường đã xây dựng. Cảnh quan môi trường được xây dựng đa dạng các khu vực cho trẻ trải nghiệm, vui chơi, học tập. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên về việc lựa chọn, vận dụng các phương pháp, hình thức giáo dục trẻ theo hướng “lấy trẻ làm trung tâm” thông qua hình thức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục tạo nhiều

cơ hội cho trẻ được tham gia các hoạt động trải nghiệm, thực hành phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã Thanh Nưa tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Khám sức khỏe định kỳ, cho trẻ uống vitamin A, tẩy giun, phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 301/301 trẻ em được kiểm tra sức khỏe đo chiều cao, cân nặng, đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng. Kết quả theo dõi sự phát triển về cân nặng: Kênh bình thường: 290/301 cháu đạt 96,3%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 11/301 cháu chiếm 3,7%. Chiều cao: Chiều cao bình thường: 287/301 cháu đạt 95,3%; suy dinh dưỡng thể thấp còi: 14/301 cháu chiếm 4,7%; Chiều dài/chiều cao: Kênh bình thường: 298/301 đạt 99%; trẻ thừa cân: 1/301 chiếm 1%; béo phì: không. [H5-5.3-03].

100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Thay đổi khẩu phần ăn để có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Hàng năm nhà trường đều có kế

hoạch phục hồi suy dinh dưỡng và kế hoạch phòng chống béo phì cho trẻ, do đó, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện đáng kể so với đầu năm học [1.6-04]; [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường thông qua họp ban đại diện cha mẹ học sinh, các tranh ảnh tuyên truyền tại trường, lớp đề tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ [1.1-03]; [H1-1.2-05].

Nhà trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo ăn tại trường gồm một bữa chính và một bữa phụ, trẻ nhà trẻ gồm hai bữa chính và một bữa phụ, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Thực đơn của trẻ được nhà trường xây dựng theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 của Bộ GD&ĐT về việc đính chính, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình GDMN [1.6-04].

100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ở các lớp [1.6-04]; [H5-5.3-04].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá, tình trạng dinh dưỡng của trẻ như sau: Kênh bình thường: 290/301 cháu đạt 96,3%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 11/301 cháu chiếm 3,7%. Chiều cao: Chiều cao bình thường: 287/301 cháu đạt 95,3%; suy dinh dưỡng thể thấp còi: 14/301 cháu chiếm 4,7%; Có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ở các lớp [H5-5.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt khá cao. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng và phù hợp với tình hình thực tế địa phương. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Hàng năm, tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường phối hợp với Trạm y tế xã để khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ 2 lần/năm học; thường xuyên, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với phụ huynh nâng cao tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về chiều cao và cân nặng. Tích cực xây dựng môi trường giáo dục, rèn luyện thể chất, tạo điều kiện cho trẻ thực hiện được thực hành, luyện tập các vận động cơ bản, phối hợp các giác quan, rèn luyện các kỹ năng vận động khéo léo phù hợp với độ tuổi. Quan tâm chú trọng rèn cho trẻ nhà trẻ một số kỹ năng lao động, vệ sinh tự phục vụ phù hợp độ tuổi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. Hằng năm, tỷ lệ đi học chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 90% trở lên, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 95% trở lên [H1-1.5-01].

100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hằng năm đều hoàn thành Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 78 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-01]; [H1-1.5-01].

Hàng năm nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập. Nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung chăm sóc, giáo dục phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ [H1-1.4-04].

Mức 2:

Hàng năm, tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 90 % trở lên, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 95 % trở lên. Do điều kiện về thời tiết, dịch bệnh theo mùa một số trẻ bị ốm nên đi học chưa đều, đặc biệt là trẻ ở độ tuổi nhà trẻ [H1-1.5-01].

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hằng năm trong nhà trường đều hoàn thành Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành đạt 100%. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 78 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-01].

Năm học 2021-2022 nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 3:

100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hoàn thành Chương trình GDMN. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 78 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-01].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập tại trường [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đi học chuyên cần khá cao (đạt 90% trở lên), tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần đạt 95% trở lên). 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu UBND huyện giao, tiếp tục duy trì sĩ số nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, duy trì tỷ lệ trẻ hoàn thành Chương trình GDMN. Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ xuống thấp và thời tiết giao mùa.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và phát triển phù hợp theo quy định, phù hợp với thực tế của nhà trường, với văn hóa địa phương. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường. Tổ chức hiệu quả môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%, nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập. Làm tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt 95% trở lên, cân nặng phát triển bình thường đạt 95% trở lên. Chế độ dinh dưỡng của trẻ được nhà trường xây dựng phù hợp với độ tuổi, đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học: Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn dưới 5 %, trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn dưới 5 %. Trong các năm học nhà trường thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần hàng năm giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường đạt 90% trở lên, trong đó trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 90%, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 95% trở lên.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 5: 4 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2017-2018 đến nay, Trường mầm non xã Thanh Nưa đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến và tập thể lao động xuất sắc Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi, môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% số CBQL, GV trong nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình Giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, đa số trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên huy động được nhiều nguồn lực đầu tư hỗ trợ kinh phí xây mới, tu sửa cơ sở vật chất ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học. Phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo duy trì đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ của từng năm học đề ra.

Nhà trường luôn chủ động, tích cực trong công tác tham mưu và nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Ngành, của Đảng uỷ Chính quyền địa phương cùng với sự ủng hộ, phối hợp của các đoàn thể, nhân dân và phụ huynh trên địa bàn xã.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong năm năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành; trong quá trình tự đánh giá Trường Mầm non xã Thanh Nưa đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25/25 tiêu chí
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 2:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25/25
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Mức 3:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 19/19
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, nhà trường tự đánh giá:

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Thanh Nưa, ngày 26 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Hương